

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

----- 08 80 -----

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Ngành đào tạo : Quản lý đất đai**

**Trình độ đào tạo : Đại học**

**Mã ngành : 7850103**

**Thanh Hóa, năm 2021**

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai trình độ đại học theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học áp dụng cho khóa tuyển sinh từ tháng 8/2021

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Khung chương trình đào tạo theo khối ngành, nhóm ngành đào tạo đại học, cao đẳng định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học tại Trường Đại học Hồng Đức (theo Quyết định số 1270/QĐ-ĐHHĐ ngày 09/8/2017 và Quyết định số 1285/QĐ-ĐHHĐ ngày 16/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức);

Căn cứ Văn bản đề nghị của khoa Nông-Lâm-Ngư nghiệp về việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo ngành ĐH Quản lý đất đai; Biên bản họp Hội đồng Thẩm định CTĐT ngành ĐH QL Đất đai, Biên bản thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai, trình độ đại học theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học, áp dụng cho khóa tuyển sinh từ tháng 8/2021 (Có chương trình đào tạo kèm theo).

**Điều 2.** Trưởng khoa, Trưởng bộ môn quản lý học phần có trách nhiệm xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề cương chi tiết học phần theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Nông-Lâm-Ngư nghiệp, các bộ môn liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Hoàng Bá Huyền

## **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Ngành: Quản lý đất đai; Trình độ: Đại học

### **I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo kỹ sư Quản lý đất đai được xây dựng lần đầu năm 2018 với mục tiêu đào tạo kỹ sư quản lý đất đai phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước. Năm 2020 chương trình đã được điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Năm 2021 chương trình tiếp tục được rà soát, chỉnh sửa. Chương trình được xây dựng dựa trên kết quả điều tra, khảo sát góp ý từ các đơn vị sử dụng lao động, các chuyên gia, giảng viên, cựu sinh viên và sinh viên về kiến thức, kỹ năng mà sinh viên cần đạt được để đáp ứng nhu cầu xã hội. Mặt khác, Chương trình được xây dựng có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường Đại học trong nước như: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Đại học Lâm nghiệp, Đại học Vinh, Đại học Huế, Đại học Tài nguyên và Môi trường. Trên cơ sở đó chương trình được các thành viên hội đồng chuyên ngành góp ý để hoàn thiện.

Chương trình đào tạo bao gồm 150 tín chỉ, trong đó khối kiến thức đại cương 47 tín chỉ (45 tín chỉ bắt buộc, 02 tín chỉ tự chọn); kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 103 tín chỉ (có 73 tín chỉ bắt buộc và 30 tín chỉ tự chọn). Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được phân bổ cụ thể như sau: kiến thức cơ sở ngành 18 tín chỉ, kiến thức ngành 47 tín chỉ, kiến thức bổ trợ 15 tín chỉ, thực tập nghề nghiệp 9 tín chỉ, thực tập tốt nghiệp 04 tín chỉ và đồ án tốt nghiệp 10 tín chỉ. Khối lượng kiến thức trong chương trình đào tạo được bố trí học trong 9 học kỳ (kỳ 1: gồm 6 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 2: gồm 6 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 3: gồm 7 học phần, 18 tín chỉ; kỳ 4: gồm 5 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 5: gồm 6 học phần, 18 tín chỉ; kỳ 6: gồm 6 học phần, 19 tín chỉ; kỳ 7: gồm 6 học phần, 18 tín chỉ; kỳ 8: gồm 5 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 9: gồm 2 học phần, 14 tín chỉ).

Chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Quản lý đất đai được giảng dạy bởi các giảng viên có trình độ cao, được đào tạo từ các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước. Hệ thống phòng học và trang thiết bị phục vụ dạy học được Nhà trường trang bị đồng bộ, đáp ứng tốt công tác giảng dạy. Hệ thống phòng thí nghiệm được đầu tư hiện đại với các phòng thí nghiệm: Phòng TN nông hoá thổ nhưỡng; Phòng TN Lâm nghiệp; Phòng TN nuôi cấy mô; Phòng TN vi sinh vật. Đặc biệt các thiết bị thí nghiệm được trang bị tương đối đầy đủ và hiện đại, đáp ứng tốt trong công tác giảng dạy. Thư viện và phòng đọc có tương đối đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo.

## 2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Quản lý đất đai
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Land Management
Mã ngành đào tạo:	7.850.103
Trường cấp bằng tốt nghiệp:	Trường Đại học Hồng Đức
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Kỹ sư
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ:	150
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4,5 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh THPT hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá:	10
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo (150 tín chỉ);</li> <li>- Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4);</li> <li>- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam);</li> <li>- Có chứng chỉ quốc phòng và giáo dục thể chất.</li> </ul>
Vị trí việc làm:	<p>Người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí tại:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp về đất đai; Các đơn vị sự nghiệp thuộc các cơ quan Nhà nước về lĩnh vực đất đai;</li> <li>- Ban quản lý dự án xây dựng các huyện, thị, thành phố;</li> <li>- Cán bộ Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng - Môi trường tại các xã, phường, thị trấn; Cán bộ bộ phận hành chính 1 cửa xử lý hồ sơ lĩnh vực quản lý đất đai (cấp tỉnh, huyện);</li> <li>- Kỹ thuật viên làm việc tại các công ty, các tổ chức tư vấn hoạt động trong các lĩnh vực quy hoạch sử dụng đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, đo đạc lập bản đồ, phát triển nông nghiệp, nông thôn, các công ty môi giới, định giá và kinh doanh bất động sản; các công ty xây dựng; các tổ chức tài chính...</li> <li>- Nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu về lĩnh vực đất đai;</li> </ul>

	- Giảng viên trong các trường Đại học, Cao đẳng có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực ngành Quản lý đất đai.
Học tập nâng cao trình độ:	Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT:	tháng 9 năm 2021

### 3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

#### 3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo kỹ sư ngành Quản lý đất đai theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp; có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có sức khỏe tốt, có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên môn ngành Quản lý đất đai. Có khả năng vận dụng được các vấn đề lý thuyết vào thực tiễn công tác chuyên môn; có khả năng làm việc độc lập, có thể giải quyết và cập nhật các vấn đề mới trong công tác quản lý đất đai phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước.

#### 3.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Sinh viên được cung cấp hệ thống tri thức lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh; các kiến thức về Quốc phòng - An ninh và thể dục thể thao trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp.

PO2: Người học nắm vững kiến thức Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng và các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh để có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh tương đối thành thạo trong các lĩnh vực đời sống, xã hội; được cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng về máy vi tính, hệ điều hành Microsoft Windows, mạng máy tính và Internet, các phần mềm tiện ích thông dụng (trình duyệt Web, thư điện tử), phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT), các phần mềm tin học ứng dụng trong quản lý đất đai.

PO3: Người học có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, bao gồm các suy luận logic, các phương pháp tính toán, các định luật và tính chất hóa học; Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, công nghệ và môi trường để vận dụng vào các lĩnh vực chuyên ngành phù hợp.

PO4: Người học có kiến thức cơ sở ngành về trắc địa, pháp luật đất đai, đánh giá đất, hệ thống thông tin địa lý, thổ nhưỡng làm nền tảng tiếp thu các kiến thức chuyên ngành quản lý đất đai.

PO5: Người học có kiến thức chuyên môn sâu về đo đạc, bản đồ để thành lập các loại bản đồ chuyên ngành quản lý đất đai; Có kiến thức về hệ thống văn bản pháp luật đất đai để thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai; Có kiến thức tài chính đất đai để định giá đất và quản lý thị trường bất động sản; Có kiến thức về quy hoạch để lập và tổ chức thực hiện hệ thống quy hoạch sử dụng đất; Luôn cập nhật và vận dụng linh hoạt các kiến thức chuyên môn sâu ngành quản lý đất đai để giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác quản lý đất đai trong thực tế.

PO6: Người học có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm bắt kịp với các nhu cầu xã hội, có khả năng tự lập kế hoạch và tổ chức thực hiện để phục vụ quá trình học tập và phát triển nghề nghiệp.

PO7: Người học có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; có khả năng tiếp tục học tập nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực công tác phù hợp với nhu cầu cá nhân hoặc công việc.

#### **4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

*Chương trình được thiết kế đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:*

PLO1: Sinh viên phân tích và đánh giá được những kiến thức lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HCM, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước; vận dụng được những nguyên lý, những quy luật, những luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng HCM cũng như chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình học tập, tu dưỡng, rèn luyện của bản thân đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo; vận dụng được những kiến thức về quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất vào định hướng phát triển nghề nghiệp;

PLO2: Người học đạt được năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ áp dụng tại Việt Nam (Sử dụng tương đối thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp và trong các hoạt động chuyên môn ngành Quản lý đất đai);

PLO3: Trình bày được khái niệm về thông tin, các phương pháp biểu diễn thông tin; sử dụng thành thạo máy tính với hệ điều hành Windows; sử dụng thành thạo thư điện tử, tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet; sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT); Trình bày được các kiến thức về hệ thống thông tin địa lý và tin học ứng dụng, sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành như Microstation và Mapinfor để phục vụ công tác chuyên môn;

PLO4: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên bao gồm các phương pháp tính toán, các định luật, tính chất hóa học, các quy luật phát triển của tự nhiên để nghiên cứu và giải quyết tốt một số vấn đề chuyên môn trong thực tiễn;

PLO5: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, bao gồm các thành tố văn hóa, không gian, thời gian văn hóa, đặc điểm tâm lý của người lao động vào việc giải quyết những vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn và phát triển nghề nghiệp;

PLO6: Vận dụng được kiến thức chuyên môn về trắc địa, bản đồ, viễn thám, tin học ứng dụng vẽ bản đồ, hệ thống thông tin địa lý và đăng ký thống kê đất đai để thành lập các loại bản đồ chuyên đề, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ công tác quản lý và sử dụng đất đai;

PLO7: Vận dụng được các kiến thức về thổ nhưỡng, đánh giá đất, sinh học đất, vật lý đất, thoái hóa và phục hồi đất đai để phân tích, đánh giá chất lượng đất từ đó đề xuất sử dụng đất đai một cách hiệu quả nhất;

PLO8: Vận dụng linh hoạt các kiến thức về hệ thống văn bản pháp luật đất đai gồm Pháp luật đất đai, quản lý hành chính về đất đai, giám sát quản lý và sử dụng đất đai để thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai và giải quyết được các vấn đề về tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai;

PLO9: Vận dụng được các kiến thức về quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển nông thôn, quy hoạch đô thị và điểm dân cư nông thôn, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội để dự báo được nhu cầu sử dụng đất, đề xuất được các phương án quy hoạch các loại đất, điểm dân cư, xen cư phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội;

PLO10: Vận dụng được các kiến thức về hệ thống tài chính đất đai như định giá đất, thuế nhà đất, thị trường bất động sản, kinh tế đất để định giá, tính thuế các loại đất và tài sản trên đất; tư vấn các giao dịch bất động sản, quản lý và phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản.

PLO11: Vận dụng được các kiến thức về môi trường bao gồm khoa học môi trường, quản lý môi trường, đa dạng sinh học, khí tượng nông nghiệp, ô nhiễm môi trường, đánh giá tác động môi trường, tài nguyên thiên nhiên để đánh giá và phân tích thực trạng môi trường, cơ chế và chính sách quản lý môi trường tại địa phương. Từ đó đề xuất được các phương án quản lý môi trường cho từng địa phương cụ thể;

PLO12: Vận dụng được các kiến thức hỗ trợ về lập và quản lý dự án phát triển nông thôn, phát triển nông thôn, nông lâm kết hợp, hệ thống nông nghiệp, canh tác học để lập các dự án phát triển nông thôn gắn với sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp;

PLO13: Vận dụng được các kiến thức về nghiên cứu khoa học để tư duy sáng tạo và phát triển công nghệ trong lĩnh vực quản lý đất đai.

PLO14: Có ý thức trách nhiệm công dân, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

PLO15: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác quản lý đất đai.

PLO16: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

### **5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo**

- Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), TCCN, CĐ, ĐH
- Phương thức tuyển sinh và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT (được cụ thể hóa trong đề án tuyển sinh hàng năm).

- Về tổ hợp xét tuyển: Gồm 4 tổ hợp xét tuyển:

- + Toán - Lý - Hóa;

- + Toán - Hóa - Sinh;

- + Toán - Sinh - Văn;

- + Văn - Sinh - GDCD.



6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTDĐT	Chuẩn đầu ra của CTDĐT															
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16
PO1	4							2						2		
PO2		3	4			3										
PO3				3	3						3					
PO4						4	4	4	3							
PO5						4		3	3	3						
PO6												3	3	3	5	3
PO7														3	5	3

Ghi chú: Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo. Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Thành thạo; 5-Bản năng. Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Hồi đáp; 3-Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tính cách.

## **7. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá**

### **7.1. Phương pháp dạy - học**

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra. Hàng năm, giảng viên cập nhật lại bài giảng, tìm hiểu và đưa vào những kiến thức mới trong ngành quản lý đất đai.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), phương pháp động não, đặt vấn đề, hoạt động nhóm, dự án, mô phỏng, nghiên cứu tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập), phương pháp mô phỏng, thực nghiệm (áp dụng cho các tiết thực hành).

- Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học: Thực hiện thông qua tự đánh giá của giảng viên, phản hồi của SV và của đồng nghiệp. Thông qua kết quả thu được của mỗi bài giảng, bài kiểm tra, giảng viên tự đánh giá được chất lượng bài giảng và không ngừng tìm hiểu nâng cao kiến thức, kinh nghiệm thực tế cũng như phương pháp truyền thụ để cải tiến chất lượng dạy học. Ở buổi học đầu, giảng viên cung cấp thông tin cá nhân và các kênh liên lạc để trao đổi học thuật và nhận phản hồi góp ý từ sinh viên. Trong quá trình dạy học, bộ môn quản lý học phần và Khoa tiến hành dự giờ thường xuyên và dự giờ đột xuất nhằm đánh giá rút kinh nghiệm và đóng góp ý kiến cho giảng viên cập nhật thông tin, cải tiến phương pháp giảng dạy. Ngoài việc nhà trường phát phiếu đánh giá người dạy cho sinh viên, Khoa và bộ môn còn tiến hành lấy ý kiến ngẫu nhiên của người học về giảng viên bất kỳ. Bên cạnh đó, khoa và bộ môn còn định kỳ tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm trong giảng dạy và chuyên môn.

### **7.2. Các phương thức đánh giá**

- Đánh giá quá trình: Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 20% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ: Được thực hiện trong khoảng tuần thứ 6 đến tuần 9 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, bài tập lớn hoặc đồ án môn học.

- Đánh giá cuối kỳ: Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Quản lý đào tạo xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết, vấn đáp, đồ án môn học, trắc nghiệm, thực hành.

## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số TC	Loại HP	Số TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương, 47 tín chỉ	Bắt buộc	45
		Tự chọn	2
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, 103 tín chỉ	Bắt buộc	73
		Tự chọn	30
3	Kiến thức thực tập nghề nghiệp 9 tín chỉ	Bắt buộc	9
		Tự chọn	0
4	Thực tập tốt nghiệp/Đồ án tốt nghiệp, 14 tín chỉ	Bắt buộc	14
		Tự chọn	0
<b>Tổng số: 150 TC</b>			

2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
<b>A. KHỞI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>				
<b>I. Lý luận chính trị</b>				
1	196055	Triết học Mác – Lê Nin, 3 TC	<p>- Nội dung học phần gồm: 3 chương. Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học nắm vững lý luận triết học Mác – Lênin, trên cơ sở đó xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng lý luận đó để nhận thức và cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.</p>	<p><b>- Giáo trình chính:</b></p> <p>1. Bộ GD &amp; ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>2. Bộ Giáo dục &amp; ĐT (2015), <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB CTQG.</p> <p><b>- TLTk:</b></p> <p>1. Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui (2005), <i>Giáo trình triết học Mác-LêNin</i> (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng).NXB CTQG; 2005</p> <p>2. Nguyễn Hữu Vui (1997), <i>Lịch sử triết học</i>. NXB CTQG.</p>
2	196060	Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin, 2TC	<p>- Nội dung học phần gồm: Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh</p>	<p><b>- TL chính:</b></p> <p>1- Bộ GD &amp; ĐT (2021), <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-</i></p>

			<p>tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo; Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.</p>	<p><i>Lênin</i>, (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị). NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>2. Bộ Giáo dục &amp; ĐT (2004), <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, NXB CTQG.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Văn kiện đảng toàn tập tập tập: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9,10,11,12 (2002, 2002, 1999, 1999, 2002, 2000, 2000, 2000, 2001, 2001, 2001, 2001) NXB CTQG.</p>
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học, 2TC	<p>- Nội dung học phần gồm: Học phần có 7 chương, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học: xác định đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXHKKH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Bộ GD &amp; ĐT, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Bộ GD &amp; ĐT, <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> (2015), (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB</p>

			nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Sinh viên lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	CTQG. 2. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (2008), Dùng trong các trường ĐH, CĐ/ NXB CTQG.
4	198030	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	<p>- Nội dung của học phần: Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm 3 chương và chương nhập môn. Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. Chương 1: Đảng cộng sản Việt nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975). Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (1975- đến nay).</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học nắm vững về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đổi mới tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đến nay. Xác lập được niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Từ đó thấy được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Bộ GD&amp;ĐT (2021), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, NXB CTQGST.</p> <p>2. Bộ GD&amp;ĐT (2006), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, NXB CTQG.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Bộ GD&amp;ĐT (2007), <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập I,II,III</i>, Nxb CTQG.</p> <p>3. Văn kiện Đảng toàn tập tập tập tập: I,II,III,IV,V,VI,VII, VII I,IX,X,XI,XII,XIII (2002, 2002, 1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001,2001, 2001, 2001) NXB CTQG.</p>
5	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh, 2TC	- Nội dung môn học gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6	- <b>TL chính:</b> 1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> . Nxb Chính trị quốc gia

			<p>trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học hiểu đúng hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Từ đó hình thành cho người học năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác để rèn luyện và hoàn thiện bản thân trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Biết vận dụng kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội, qua đó thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo đất nước của Đảng cộng sản Việt Nam.</p>	<p>sự thật.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dự thảo)</i></li> <li>2. Hồ Chí Minh (2016), <i>Biên niên tiểu sử</i> (10 tập). Nxb Chính trị quốc gia Sự thật; Hà Nội</li> <li>3. Hồ Chí Minh (2011), <i>Toàn tập</i>. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội</li> <li>4. Võ Nguyên Giáp (2008), <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam</i>. Nxb Chính trị quốc gia.</li> </ol>
6	197030	Pháp luật đại cương, 2 TC	<p>- Nội dung học phần gồm: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Để đạt được mục tiêu đó, nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản luật một số ngành luật gồm: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lê Văn Minh (chủ biên), (2016), <i>Pháp luật đại cương</i>, Nxb Lao động (Quyển 1).</li> </ol> <p>- <b>TLTK:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lê Minh Toàn (chủ biên), (2012), <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i>, Nxb Chính trị Quốc gia (Quyển 1).</li> <li>2. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoàn, (2015), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, Nxb Công an nhân dân (Quyển 2).</li> </ol>

			hàng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỉ luật học đường, kỉ cương xã hội.	
<b>II. Ngoại ngữ</b>				
7	133031	Tiếng Anh 1, 4TC	<p>- Nội dung học phần gồm: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Elementary (3rd edition) và giáo trình Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A. Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: đại từ nhân xưng, động từ “to be”, danh từ, tính từ sở hữu, mạo từ, động từ, tân ngữ, đại từ sở hữu, đại từ phản thân, tính từ, trạng từ, so sánh tính từ, trạng từ, giới từ, hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, be going to, tương lai đơn, hiện tại hoàn thành. Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết</p>	<p>- <b>TL chính:</b> Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson.,2012., <i>English File-Elementary 3rd.</i> Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1)</p> <p>- <b>TLTK:</b> 1. Raymond Murphy (2013). <i>Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành.</i> NXB Thời đại</p> <p>2. Cambridge ESOL (2011). <i>Cambridge Preliminary English Test 2.</i> Cambridge University Press</p>



			<p>các dạng văn bản khác nhau ở trình độ tiền A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.</p>	
8	133032	Tiếng Anh 2	<p>- Nội dung học phần gồm: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề. Các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA, trọng âm từ, trọng âm câu. Các thì trong tiếng Anh, động từ khuyết thiếu, câu điều kiện, câu giả định, thể bị động, lời nói gián tiếp, danh động từ và động từ nguyên thể, cấu trúc used to, be used to.... Hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết</p>	<p><b>- TL chính :</b></p> <p>1. Christina Latham –Kooeing, Clive Oxenden and Paul Seligson (2011), <i>English File. Pre-intermediate, 3<sup>rd</sup> edition</i>. Nxb Văn Hóa Thông Tin.</p> <p><b>- TLTK :</b></p> <p>1. Raymond Murphy (2013), <i>Grammar In Use</i>. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng, 130 bài tập thực hành. NXB Thời đại.</p> <p>2. Cambridge ESOL (2013), <i>Cambridge Preliminary English Test</i>. Cambridge University Press.</p>

			<p>các dạng văn bản khác nhau ở trình độ A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.</p>	
9	133033	Tiếng Anh 3, 3TC	<p>- Nội dung học phần gồm: Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Pre-Intermediate (3rd edition) và Target PET. Từ vựng: Bổ sung hệ thống từ vựng sử dụng trong hầu hết các tình huống giao tiếp thông thường. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình trung cấp.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực bậc 3/6 theo KNLNNVN, có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để tạo tiền đề nghiên cứu tiếp những bậc cao hơn, có khả năng sáng tạo trong quá trình đặt kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp, có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ của mình.</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. <i>English File- Preintermediate 3<sup>rd</sup> edition</i>. Oxford University Press. (1)</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Raymond Murphy (1997), <i>Ngữ Pháp thông dụng tiếng Anh: English Grammar In Use</i>, Nhà Xuất Bản Hà Nội (3)</p> <p>2. Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test</i>, Cambridge University Press (4), press 5</p>
III. KHTN-KHXH-Tin-				

Môi trường				
10	114005	Xác suất – thống kê, 3TC	<p>- Nội dung học phần: sự kiện ngẫu nhiên, sự kiện sơ cấp, không gian sự kiện sơ cấp, khái niệm xác suất, các tính chất của xác suất, biến ngẫu nhiên, hàm phân phối của biến ngẫu nhiên, các tính chất của hàm phân phối, các số đặc trưng, luật số lớn, định lý giới hạn trung tâm; một số vấn đề thống kê toán học, mẫu ngẫu nhiên, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê, (kiểm định về trung bình, kiểm định về xác suất, ...)</p> <p>- Năng lực đạt được: có kiến thức cơ bản về xác suất, có khả năng xử lý số liệu thống kê để có những kết luận đúng đắn và từ đó đưa ra các quyết định với độ tin cậy cao; có khả năng vận dụng tốt kiến thức xác suất thống kê để giải quyết các vấn đề chuyên ngành như: giáo dục, kinh tế, kỹ thuật.</p>	<p><b>- TL chính:</b></p> <p>1. Đào Hữu Hồ (2001). <i>Xác suất và Thống kê</i>, Đại học Quốc gia HN.</p> <p><b>- TLTK:</b></p> <p>1. Phạm Văn Kiều, Lê Thiên Hương (2001), <i>Xác suất thống kê</i>, NXB GD.</p> <p>2. Tổng Đình Quý (2000). <i>Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê</i>, NXB Giáo dục.</p>
11	173080	Tin học	<p>- Nội dung học phần: Các kiến thức cơ bản về thông tin và xử lý thông tin, cấu trúc chung của máy tính, biểu diễn thông tin trong máy tính. Các khái niệm về dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính, Internet và virus máy tính. Tìm kiếm và khai thác, sử dụng tài nguyên thông tin trên máy tính và trên Internet. Sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm xử lý bảng tính Excel và phần mềm trình chiếu Powerpoint.</p> <p>- Năng lực đạt được: sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa</p>	<p><b>- TL chính:</b></p> <p>1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, 2015, <i>Giáo trình tin học cơ sở</i>, NXB ĐHSP.</p> <p><b>- TLTK:</b></p> <p>1. Lê Thị Hồng (CB) – Phạm Thế Anh - Phạm Thị Hồng, 2010. <i>Tin học căn bản</i>, Nxb KH&amp;KT.</p> <p>2. Hàn Viết Thuận (2007), <i>Giáo trình</i></p>

			<p>học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.</p>	<p><i>Tin học đại cương</i>, NXB ĐHQTKD.</p>
12	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam, 2TC	<p>- Nội dung học phần gồm: Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Trần Ngọc Thêm (2000), <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Trần Quốc Vượng (2002), <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>2. Đào Duy Anh (2002), <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i>, Nxb Văn hóa thông tin.</p>
13	116010	Hóa học, 2 TC	<p>- Nội dung học phần :</p> <p>+ Hóa học phân tích: Các phương pháp nhận biết cation, anion trong dung dịch. Các phương pháp phân tích định lượng, phương pháp lấy mẫu nước, đất, cách xử lý và phân tích mẫu.</p> <p>+ Hóa học hữu cơ: các khái niệm cơ bản về lý thuyết hóa hữu cơ, tính chất hóa học và phương pháp điều chế các hợp chất hữu cơ quan trọng: Hydrocacbon, dẫn xuất halogen, ancol và phenol, andehit và xeton, axit cacboxylic, glucit, các hợp chất</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Nguyễn Tinh Dung (2000), <i>Hoá học phân tích phần II,III</i>. NXB Giáo dục.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Nguyễn Hữu Đỉnh (2008), <i>Bài tập hóa hữu cơ</i>. NXB Giáo dục.</p> <p>2. Đặng Như Tại, Trần Quốc Sơn</p>

			<p>chứa nitơ, các hợp chất dị vòng. Tính chất của một số hợp chất quan trọng trong thiên nhiên, các hợp chất có liên quan đến thuốc bảo vệ thực vật.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về hóa phân tích, hóa hữu cơ. Làm tốt các bài tập theo yêu cầu. Có năng lực so sánh, phân tích, đánh giá những kiến thức đã được học trong học phần.</p> <p>+ Có năng lực độc lập trong học tập và trong nghiên cứu khoa học.</p> <p>+ Có năng lực vận dụng tư duy nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu và trong công việc.</p> <p>+ Có năng lực giao tiếp, tổ chức các hoạt động tập thể như nghiên cứu theo nhóm, semina, thảo luận về các vấn đề như sản xuất và sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, chăm sóc cây trồng, xử lý môi trường...</p>	<p>(2001), <i>Hóa học hữu cơ Tập I, II</i>. NXB ĐHQGHN.</p>
14	161085	Đa dạng sinh học, 2 TC	<p>- Nội dung học phân: Khái niệm, phân loại và giá trị của đa dạng sinh học đối với đời sống con người. Sự suy thoái và các tổn thất về đa dạng sinh học hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới. Mức độ đe dọa tuyệt chủng, thang bậc phân hạng mức đe dọa theo IUCN. Đặc điểm đa dạng sinh học ở nước ta, nguyên nhân suy thoái đa dạng sinh học và các giải pháp bảo tồn. Các hình thức bảo tồn đang được áp dụng hiện nay trên thế giới và ở Việt Nam và điều tra, giám sát đa dạng sinh học.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu rõ và</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Đồng Thanh Hải (2009), <i>Giáo trình Đa dạng sinh học</i>. NXB Nông nghiệp, Hà nội</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Nguyễn Hoàng Nghĩa (1997), <i>Bảo tồn tài nguyên di truyền thực vật rừng</i>. NXB Nông nghiệp, Hà nội.</p> <p>2. Lê Trọng Cúc (2002), <i>Đa dạng</i></p>

			trình bày được các khái niệm cơ bản về đa dạng sinh học. Nhận thức đầy đủ những giá trị của đa dạng sinh học mang lại cho con người. Giải thích được các nguyên nhân gây suy thoái đa dạng sinh học và các biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học đang được áp dụng hiện nay. Có thể định lượng và đánh giá được mức độ đa dạng sinh học của một khu vực cụ thể.	<i>sinh học và bảo tồn thiên nhiên.</i> NXB ĐH QG Hà nội.
15	165151	Phương pháp nghiên cứu khoa học, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Các khái niệm về khoa học, giả thuyết, nghiên cứu khoa học; phân biệt tri thức kinh nghiệm và tri thức khoa học; Phương pháp luận NCKH; Viết báo cáo khoa học; Trình bày báo cáo khoa học. Trình tự của một đề tài nghiên cứu khoa học; Ý nghĩa của việc viết báo cáo khoa học; Các tài liệu khoa học; Trích dẫn khoa học; Trình bày báo cáo khoa học.</p> <p>- Năng lực đạt được: Trình bày được các kiến thức khoa học, các nguồn kiến thức, giả thuyết khoa học, phương pháp luận khoa học; Lựa chọn được loại hình nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu; viết được một đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh; Trình bày được một báo cáo khoa học.</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. GS- TSKH Lê Huy Bá, (2006), <i>Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học tập 1</i>, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. PGS.TS Đông Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An, (2021), <i>Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học</i>, NXB Khoa học xã hội.</p>
16	181160	Tâm lý lao động, 2TC	<p>- Nội dung học phần:: Những vấn đề chung của tâm lý học lao động; Một số vấn đề tâm lý học trong tổ chức khoa học lao động; Tuyển chọn và đào tạo nghề; Sự thích ứng của con người trong hệ thống người-máy-môi trường</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học trình bày được các trạng thái tâm lý này</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Lê Thị Dung, 2009. <i>Tâm lý học lao động</i> - NXB lao động xã hội Hà Nội.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1.Võ Hưng, Phạm</p>

			sinh trong lao động ; phân tích được các bước xây dựng chế độ lao động và nghỉ ngơi hợp lý ; mô tả được nội dung và các bước tuyển chọn, đào tạo nghề ; phân tích được đặc điểm của lao động trong điều kiện kỹ thuật mới. Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết các bài tập trong chương trình.	Thị Bích Ngân, 2007. <i>Tâm lý học lao động</i> - Nxb ĐHQG TPHCM 2. Đào Thị Oanh, 2003. <i>Tâm lý học lao động</i> - NXB ĐHQG Hà Nội.
<b>Tự chọn (1 trong 2 HP)</b>				
17	163175	Sinh thái môi trường, 3TC	<p>- Nội dung học phần gồm: Kiến thức cơ bản về sinh thái học, các quy luật sinh thái học, mối tương tác giữa yếu tố sinh thái của môi trường sống và sinh vật và đặc điểm của các mức độ tổ chức sống của sinh giới: quần thể, quần xã và hệ sinh thái; Kiến thức cơ bản về môi trường và con người, mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường, thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên; Kiến thức cơ bản về môi trường và các vấn đề chính về ô nhiễm môi trường trên thế giới và tại Việt Nam, luật và chính sách môi trường của Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Học xong học phần này, sinh viên có khả năng trình bày và giải thích được các quy luật sinh thái học, mối tương tác giữa yếu tố sinh thái của môi trường sống và sinh vật và đặc điểm của các mức độ tổ chức sống của sinh giới, từ đó có khả năng ứng dụng nâng cao năng suất trong sản xuất nông nghiệp; Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về môi trường và con người, mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Trần Đức Viên và CS, 2004. <i>Giáo trình Sinh thái học nông nghiệp</i>. NXB Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Lê Văn Thăng, 2008. <i>Giáo trình Khoa học Môi trường đại cương</i>. NXB Giáo dục và đào tạo.</p>

			trường, thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên từ đó có khả năng nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; Kiến thức cơ bản về môi trường và các vấn đề chính về ô nhiễm môi trường trên thế giới và tại Việt Nam, luật và chính sách môi trường của Việt Nam, từ đó có thể đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất nông nghiệp.	
	162093	Khoa học môi trường, 2 TC	<p>- Nội dung học phần: Khái niệm khoa học môi trường, các thành phần chính của môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học vận dụng vào khoa học môi trường; Các kiến thức cơ bản của khoa học môi trường như ô nhiễm môi trường, quản lý môi trường, tài nguyên, dân số, lương thực, năng lượng và phát triển bền vững.</p> <p>- Năng lực đạt được: Phân tích được các vấn đề về môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường; các vấn đề liên quan đến môi trường và phát triển bền vững.</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Lê Văn Khoa (2008), <i>Khoa học môi trường</i>, Nhà xuất bản Giáo dục.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Lưu Đức Hải (2000), <i>Cơ sở khoa học môi trường</i>. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội,</p>
18	165080	Khí tượng nông nghiệp, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Các kiến thức chung về khí quyển trái đất, bức xạ mặt trời, chế độ nhiệt của đất và không khí, chu trình tuần hoàn nước trong tự nhiên, áp suất khí quyển và gió; Cơ chế hình thành khí hậu Việt Nam, một số đặc trưng cơ bản của khí hậu Việt Nam, phân vùng khí hậu Việt Nam; tác động của một số yếu tố khí tượng; biến đổi khí hậu.</p> <p>- Năng lực đạt được: Đánh giá được các điều kiện khí hậu và tác động của các yếu tố thời tiết khí hậu trong</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Đoàn Văn Điềm, Nguyễn Thị Bích Yên (2015). <i>Giáo trình Khí tượng Nông nghiệp</i>. NXB Đại học Nông nghiệp.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Bộ Tài nguyên và môi trường (2016), <i>Kịch bản</i></p>



			những điều kiện sản xuất cụ thể.	<i>biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam.</i> NXB Tài nguyên môi trường và bản đồ Việt Nam.
19	162092	Môi trường và con người, 3TC	<p>- Nội dung học phần gồm: Học phần cung cấp khái niệm cơ bản về môi trường và con người; thực trạng dân số và mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số, tài nguyên, môi trường; thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên; các nhu cầu của con người và hệ quả đến môi trường; các công tác bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của vấn đề môi trường và con người, có hành động thiết thực giải quyết các vấn đề môi trường; có kỹ năng phân tích, đánh giá mối quan hệ môi trường, tài nguyên, dân số; đánh giá được các nhu cầu, đáp ứng nhu cầu của con người; kỹ năng đưa ra giải pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.</p>	<p>- <b>TL chính :</b></p> <p>1. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2014). <i>Giáo trình Môi trường và con người</i>. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.</p> <p>- <b>TLTK :</b></p> <p>1. Nguyễn Văn Thắng (2002). <i>Môi trường và con người</i>, Nhà xuất bản Nông nghiệp.</p> <p>2. Lưu Đức Hải (2006). <i>Cơ sở khoa học môi trường</i>. Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội.</p>
<b>IV</b>	<b>191006</b>	<b>GDTC</b>		
	191004	Giáo dục thể chất 1, 2TC	<p>- Nội dung học phần: Những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất. Nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức thi đấu. Các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Nguyễn Đại Dương (2006), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, NXB TĐTT.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Nguyễn Đại Dương (2000), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, NXB TĐTT.</p>

			<p>động tác, kỹ thuật chạy cự ly ngắn và kỹ thuật nhảy xa ưỡn thân.</p> <p>- Năng lực đạt được: Có kỹ năng hoàn thành chính xác và đẹp bài thể dục phát triển chung 9 động tác. Có kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật chạy ngắn, kỹ thuật nhảy xa. Vận dụng được những kiến thức đã học của kỹ thuật chạy ngắn và kỹ thuật nhảy xa vào trong quá trình tập luyện cũng như có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài các môn : Chạy cự ly ngắn, môn nhảy xa.</p>	<p>2. Nguyễn Kim Minh, Nguyễn Trọng Hải, Trần Đồng Lâm, Đặng Ngọc Quang (2004), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, NXB ĐH Sư phạm.</p>
	<b>GCTC 2 (chọn 1 trong 5 HP)</b>			
a	191031	Bóng chuyền, 2TC	<p>- Nội dung học phần: Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cao tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng)</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay trước mặt và cao tay trước mặt); biết được kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt, chắn bóng, đập bóng cơ bản số 4. Tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn (2007), <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB ĐHSP, Hà Nội.</p> <p>- <b>TLTK :</b></p> <p>1. Nguyễn Quang (2001), <i>Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền</i> NXB TDTT, Hà Nội.</p> <p>2. Ủy ban TDTT (1998), <i>Bóng chuyền bóng rổ</i>, NXB TDTT Hà Nội.</p>

b	191033	Bóng đá, 2TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần Bóng đá bao gồm: Lịch sử phát triển, luật bóng đá (Sân 11 người, sân 7 người, sân 5 người), nguyên lý, các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá. Phương pháp tập luyện, đội hình thi đấu, chiến thuật trong thi đấu Bóng đá. Phương pháp giảng dạy, luật, phương pháp tổ chức và trọng tài bóng đá.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên biết được phương pháp tổ chức thi đấu; Biết thực hiện một số kỹ thuật Bóng đá cơ bản; Hiểu được một số điểm của luật</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. PGS.TS Trần Đức Dũng (2007), <i>Giáo trình Bóng Đá</i>, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Ủy ban TDTT (2014), <i>Luật Bóng đá sân 11 người</i>. NXB TDTT.</p> <p>2. Ủy ban TDTT (2001), <i>Luật Bóng đá sân 7 người, luật bóng đá sân 5 người, năm</i>. NXB TDTT.</p>
c	191034	Bóng rổ, 2TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ. Qua đó, người học tổ chức một trận đấu, làm trọng tài các trận đấu bóng rổ;</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng rổ;</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), <i>Giáo trình Bóng rổ</i>, NXB, ĐHSP.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Thảo (2003), <i>Giáo trình Bóng rổ</i>, NXB, TDTT.</p> <p>2. Ủy ban thể dục thể thao (2006), <i>Luật Bóng rổ</i>, NXB TDTT.</p>

			xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển bóng rổ; tổ chức một trận đấu, một giải đấu, làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng rổ.	
d	191032	Thể dục Aerobic, 2TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần tự chọn thể dục aerobic giúp cho sinh viên thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện</p> <p>- Năng lực đạt được: Có kỹ năng thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác trong bài tập aerobic: các động tác cơ bản, tư thế vận động, đội hình trong tập luyện và thi đấu.</p> <p>Sinh viên có thái độ nghiêm túc, luôn học hỏi và sáng tạo; có khả năng tự lập kế hoạch tập luyện môn thể dục aerobic nhằm nâng cao sức khỏe, có năng lực hướng dẫn phong trào tập luyện môn thể aerobic</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Đinh Khánh Thu (2014), <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i>, NXB TĐTT</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Vũ Thanh Mai (2011), <i>Giáo trình Khiêu vũ thể thao</i>, NXB TĐTT</p> <p>2. Nguyễn Xuân Sinh (2009), <i>Thể dục</i>, NXB TĐTT</p>
e	191035	HP tự chọn môn võ Vovinam, 2TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TĐTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chèo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu và các cộng sự (2008). <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i>” tập 1, NXB TĐTT.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p>

			<p>tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sau khi học xong học phần này sinh viên thực hành thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam-Việt Võ Đạo (Tu thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chào mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam).</p>	<p>1. Nguyễn Chánh Tú (2014). <i>Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i></p> <p>2. Nguyễn Chánh Tú (2014), <i>Nhu khí công quyền 2 - Vovinam</i>, NXB TDTT.</p>
<b>V</b>	<b>GDQP</b>			
		<p>Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam, 3TC</p>	<p>- Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên (SV) nâng cao ý thức trách nhiệm công dân đối với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.</p>	<p><b>- TL chính :</b></p> <p>1. <i>Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh</i> (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, NXB Giáo dục.</p> <p><b>- TLTK :</b></p> <p>1. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016. <i>Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII</i>. Văn phòng Trung ương Đảng.</p> <p>2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019. <i>Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc</i>, Nxb Giáo</p>

			<p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p> <p>+ Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.</p> <p>+ Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.</p>	<p>dục Việt Nam</p>
	<p>Công tác quốc phòng và an ninh, 2TC</p>	<p>- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Bộ giáo dục và Đào tạo, 2010. <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017 và 2020. <i>Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh.</i></p>	

			<p>luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay</p> <p>+ Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.</p> <p>+ Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.</p>	<p>2. <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh</i>, NXB Giáo dục.</p>
		<p>Quân sự chung, 2TC</p>	<p>- Nội dung học phần: Nội dung học phần quân sự chung: trang bị cho sinh viên nắm chắc được các chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Thành thạo về điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự, biết cách phòng tránh địch tiến công hoá lực bằng vũ</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. BGD&amp;ĐT, 2012. <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh, tập 2</i>. NXB giáo dục Việt Nam.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. BGD&amp;ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng. <i>Giáo trình giáo dục quốc</i></p>

			<p>khí công nghệ cao. Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác.</p> <p>- Năng lực đạt được: Có khả năng vận dụng các chế độ trong ngày, trong tuần vào trong quá trình học tập cũng như công tác sau này.</p> <p>Có khả năng nhận biết về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam.</p> <p>Thuần thục cách sử dụng bản đồ.</p> <p>Thuần thục cách phòng tránh khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.</p> <p>Thuần thục về quy tắc, điều lệ thi đấu ba môn quân sự phối hợp.</p>	<p><i>phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1</i> (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).</p> <p>2. Bộ quốc phòng (2015). <i>Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam</i>. NXB Quân đội nhân dân.</p>
		<p>Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật, 4TC</p>	<p>- Nội dung học phần: Nội dung học phần 4, kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật trang bị cho sinh viên thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn. Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác khi có tình huống xảy ra.</p> <p>- Năng lực đạt được: Nhớ được tính năng tác dụng của súng tiểu liên AK, khái niệm về ngắm bắn, biết cách ngắm trúng, ngắm chụm vào mục tiêu cố định.</p> <p>Có khả năng vận dụng linh hoạt vào</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. BGD&amp;ĐT (2012), <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2</i>, NXB giáo dục Việt Nam.</p> <p>- <b>TLTK::</b></p> <p>1. Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn (2012), <i>Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh</i>, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam</p>



			<p>trong quá trình công tác sau này khi có tình huống xảy ra.</p> <p>Hiểu về cấu tạo, chuyển động và các tư thế, động tác ném lựu đạn.</p> <p>Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu tiên công.</p> <p>Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu phòng ngự.</p> <p>Hiểu được nhiệm vụ chủ yếu khi làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.</p>	
V	KHỐI KIẾN THỨC GDCN			
20	262101	Trắc địa, 4TC	<p>- Nội dung học phần: Gồm 2 phần. Phần 1 là kiến thức chung về trắc địa; Kiến thức chung về sai số trong trắc địa; Đo các yếu tố cơ bản: các phương pháp đo đạc cơ bản (đo khoảng cách, đo góc, đo cao); Đo vẽ thành lập bản đồ: các khái niệm cơ bản về lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao. Đo vẽ thành lập bản đồ địa hình, sử dụng bản đồ địa hình. Một số dạng đo phục vụ công tác quản lý đất đai: một số dạng đo phục vụ công tác trích đo; chia diện tích; hoạch định lại đường biên với điều kiện diện tích không đổi. Phần 2: Thực hành đo các yếu tố cơ bản như: khoảng cách, góc, chênh cao để thành lập bản đồ địa hình.</p> <p>- Năng lực đạt được: Trình bày được các phương pháp đo các yếu tố cơ bản: khoảng cách, độ cao, góc; đo vẽ, phân tích, tính toán, xử lý số liệu để thành lập bản đồ, bình đồ, mặt cắt; Sử dụng một số loại máy đo đạc như máy kinh vĩ, máy thủy bình, máy toàn đạc điện tử để đo các yếu</p>	<p>- <i>TL chính:</i></p> <p>1. Phạm Văn Chuyên (2012) - <i>Trắc địa</i>, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội.</p> <p>- <i>TLTK:</i></p> <p>1. Đàm Xuân Hoàn, Nguyễn Khắc Thời, Nguyễn Trọng Tuyển (2005) - <i>Trắc địa</i>, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.</p> <p>2. Nguyễn Thanh Trà (1999) - <i>Giáo trình bản đồ địa chính</i>, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.</p>

			<p>tổ cơ bản; phân tích, tính toán, xử lý số liệu để thành lập hoàn chỉnh bản đồ, bình đồ, mặt cắt; đo phục vụ công tác trích đo; chia tách diện tích; hoạch định lại đường biên với điều kiện diện tích không đổi.</p>	
21	162007	Thổ nhưỡng, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Khái niệm cơ bản về đất; nguồn gốc và quá trình hình thành đất; hàm lượng các chất hữu cơ trong đất; các nguyên tố dinh dưỡng trong đất; thành phần cơ giới và kết cấu đất; nước trong đất; phản ứng của đất; keo đất và khả năng hấp phụ của đất. Phân loại đất; các loại đất ở Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên giải thích được độ phì nhiêu, thành phần, nguồn gốc, quá trình phong hóa và hình thành đất; trình bày được các đặc tính cơ bản của đất: chất hữu cơ, các nguyên tố dinh dưỡng, thành phần cơ giới và kết cấu đất, nước trong đất, phản ứng của đất, keo đất và khả năng hấp phụ của đất; Điều tra, lấy mẫu và xử lý được mẫu đất; sử dụng được các trang thiết bị hiện đại để phân tích các chỉ tiêu cơ bản về tính chất nông hóa đất; Đánh giá được các đặc tính nông hóa đất, phẫu diện đất làm cơ sở lựa chọn các đối tượng cây trồng phù hợp cho từng vùng đất.</p>	<p><b>- TL chính:</b></p> <p>1. Trần Văn Chính (2006), <i>Giáo trình Thổ Nhưỡng học</i>. NXB Nông nghiệp.</p> <p><b>- TLTK:</b></p> <p>1. Lê Văn Khoa (2000), <i>Đất và Môi trường</i>. NXB Giáo dục.</p> <p>2. Ngô Thị Đào, Vũ Hữu Yêm (2007), <i>Đất và phân bón</i>. NXB Đại học Sư phạm</p>
22	262046	Pháp luật đất đai, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Những kiến thức cơ bản về ngành Luật đất đai ở nước ta hiện nay. Chế độ sở hữu Nhà nước về đất đai; Chế độ quản lý Nhà nước về đất đai; Địa vị pháp lý của người sử dụng đất; Chế độ quản lý các nhóm đất: nông nghiệp, phi nông</p>	<p><b>- TL chính:</b></p> <p>1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), <i>Giáo trình Luật đất đai</i>. NXB Công an nhân dân.</p> <p><b>- TLTK:</b></p>

			<p>nghiệp và chưa sử dụng.</p> <p>- Năng lực đạt được: Trình bày được những kiến thức cơ bản về ngành Luật đất đai ở nước ta hiện nay. Chế độ sở hữu Nhà nước về đất đai; Chế độ quản lý Nhà nước về đất đai; Địa vị pháp lý của người sử dụng đất; Chế độ quản lý các nhóm đất: nông nghiệp, phi nông nghiệp và chưa sử dụng. Giải quyết được các tình huống tranh chấp đất đai, các vấn đề liên quan đến đất đai diễn ra trong thực tế.</p>	<p>1. <i>Luật đất đai</i> (2014). NXB Chính trị quốc gia.</p>
23	162019	Đánh giá đất, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp và các bước chính thực hiện qui trình đánh giá đất theo FAO (1976); các khái niệm về đất đai, sử dụng đất đai, hệ thống sử dụng đất đai, đơn vị bản đồ đất đai, loại hình sử dụng đất đai... trong đánh giá đất theo FAO; các đặc tính đất đai, chất lượng đất, tính chất đất của các đơn vị bản đồ đất đai; lựa chọn và mô tả các loại hình sử dụng đất có triển vọng; cấu trúc phân hạng đất theo FAO; nội dung, phương pháp phân hạng đất.</p> <p>- Năng lực đạt được: Xác định được các chỉ tiêu và qui trình xây dựng các đơn vị bản đồ đất đai; Xác định và mô tả các loại hình sử dụng đất, xác định cấu trúc phân hạng và phân hạng thích hợp đất đai; Đánh giá được mức độ thích hợp của các loại hình sử dụng đất; Phân hạng thích hợp đất đai phục vụ qui hoạch sử dụng đất nông, lâm nghiệp qui mô cấp huyện, tỉnh và các dự án phát triển.</p>	<p>- <b>TL chính :</b></p> <p>1. Đào Châu Thu (2014). <i>Giáo trình Đánh giá đất (tái bản)</i>, NXB Nông nghiệp.</p> <p>- <b>TL TK:</b></p> <p>1. Lê Quang Trí (2006). <i>Giáo trình thực hành Đánh giá đất</i>, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.</p> <p>2. Huỳnh Thanh Hiền (2015). <i>Đánh giá đất</i>. NXB Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh.</p>

24	162075	Hệ thống thông tin địa lý, 04TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần gồm những nguyên lý cơ bản của GIS, những cách thức tiếp cận và ứng dụng của GIS vào quá trình sản xuất, quản lý xã hội, điều tra và quản lý tài nguyên, môi trường, nghiên cứu khoa học, giáo dục và nhiều lĩnh vực khác. Học phần cũng giới thiệu phần mềm ứng dụng GIS là Arcgis, với các kỹ thuật ứng dụng gắn với ngành nghề đào tạo.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản và ứng dụng của hệ thống thông tin địa lý (GIS), hệ thống thông tin đất đai (LIS) trong việc xây dựng, phân tích, quản lý và lưu trữ dữ liệu đất đai phục quản lý tài nguyên đất nói chung và công tác quản lý nhà nước về đất đai nói riêng.</p>	<p><b>- TL chính:</b></p> <p>1. Lê Thị Giang (2016), <i>Giáo trình thực hành Hệ thống thông tin địa lý</i>, NXB Nông nghiệp</p> <p><b>- TLTk:</b></p> <p>1. Lê Thị Giang (2017). <i>Giáo trình cơ sở dữ liệu đất đai</i>. NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam.</p> <p>2. Dương Đăng Khôi (2012). <i>Giáo trình Hệ thống thông tin địa lý</i>. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p>
<b>II</b>		<b>Kiến thức ngành</b>		
25	162021	Đăng ký thống kê đất đai, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Những kiến thức cơ bản về công tác đăng ký đất đai. Đặc điểm chung về đăng ký đất đai. Công tác đăng ký đất đai ban đầu, đăng ký biến động đất đai; nguyên lý, điều tra, tổng hợp thống kê đất đai, phương pháp, chỉ tiêu, quy định về thống kê đất đai. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất; mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp sử dụng và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu được kiến thức cơ bản về công tác đăng ký đất đai; Đánh giá được công tác đăng ký thống kê một địa phương; Thống</p>	<p><b>- TL chính:</b></p> <p>1. Nguyễn Thị Thu Hương (2017). <i>Bài giảng đăng ký thống kê đất đai</i>. NXB Nông nghiệp Hà Nội.</p> <p><b>- TLTk :</b></p> <p>1. Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh (2006). <i>Bài giảng Đăng ký thống kê đất đai</i>.</p>

			kê, kiểm kê được diện tích đất đai, đăng ký ban đầu, đăng ký biến động đất đai cấp xã, huyện. Thực hiện được các thủ tục đăng ký đất đai ban đầu và đăng ký biến động đất đai.	
26	162076	Quy hoạch sử dụng đất, 4TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần gồm: những khái niệm và chức năng cơ bản của đất; Hệ thống quy hoạch sử dụng đất; Sự cần thiết phải lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và cấp huyện, nội dung chủ yếu của quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và cấp huyện. Dự báo nhu cầu sử dụng đất cấp xã: Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp, quy hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp cấp xã. Tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp xã.</p> <p>- Năng lực đạt được: Có năng lực nhận biết, đánh giá, phân biệt được sự khác nhau của các hệ thống quy hoạch sử dụng đất. Có khả năng phân tích, tổng hợp dữ liệu từ công tác điều tra nội nghiệp và ngoại nghiệp phục vụ cho việc xây dựng phương án lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất. Có năng lực chủ trì, làm việc độc lập, tham mưu, tư vấn, hoặc tham gia xây dựng quy hoạch sử dụng đất các cấp khi được phân công.</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Đoàn Công Quý (2006), <i>Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất</i>. NXB Đại học Nông nghiệp.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Lương Văn Hinh và Nguyễn Ngọc Nông, Nguyễn Đình Thi (2003). <i>Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất</i>. NXB Nông nghiệp.</p> <p>2. PGS.TS Lê Quang Trí (2005). <i>Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất</i>. NXB Nông nghiệp.</p>
27	162018	Tin học ứng dụng vẽ bản đồ, 4TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần gồm: những khái niệm cơ bản về bản đồ số, đặc điểm của bản đồ số, khái quát sự ra đời và phát triển của bản đồ số, cơ sở dữ liệu bản đồ số, các chuẩn về bản đồ số; Quy trình thành lập bản đồ số: thu thập và số hoá dữ liệu, xử lý dữ liệu, biểu thị dữ liệu, lưu trữ dữ liệu; Xây dựng bản đồ hiện trạng sử</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Trần Quốc Vinh (2016). <i>Giáo trình Tin học ứng dụng vẽ bản đồ</i>, NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p>

			<p>dụng đất bằng phần mềm MicroStation; Xây dựng bản đồ địa chính bằng phần mềm Famis.</p> <p>- Năng lực đạt được: Có khả năng học tập, phân tích, tổng hợp dữ liệu từ công tác điều tra nội nghiệp và ngoại nghiệp phục vụ cho việc xây dựng dựng các loại bản đồ chuyên ngành; Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ ngành Quản lý đất đai; có khả năng tham mưu cho lãnh đạo, tư vấn, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai; Có năng lực, làm việc độc lập, tham mưu, tư vấn, chủ trì hoặc tham gia xây các loại bản đồ chuyên ngành.</p>	<p>1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2007) - <i>Hướng dẫn sử dụng các phần mềm Famis - MicroStation - IrasB - Geovec - MRFClean - MRFFlag</i>, 2007.</p> <p>2. Trung tâm thông tin khoa học và đào tạo, Viện Nghiên cứu địa chính (2010), <i>Hướng dẫn căn bản về kỹ thuật số hóa và biên tập bản đồ với bộ phần mềm Microstation và Mapping office.</i></p>
28	262066	<p>Quản lý hành chính về đất đai, 3TC</p>	<p>- Nội dung học phần: Học phần gồm những kiến thức cơ bản về công tác quản lý hành chính nhà nước, quản lý nhà nước về đất đai; Quá trình phát triển của công tác quản lý Nhà nước về đất đai ở nước ta qua các giai đoạn. Nội dung quản lý nhà nước về đất đai ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu và trình bày được các khái niệm về quản lý hành chính nhà nước, quản lý nhà nước về đất đai; Các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai. Xử lý được các tình huống xảy ra trong thực tế liên quan đến đất đai; Đánh giá được công tác quản lý Nhà nước về đất đai ở địa phương.</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Nguyễn Khắc Thái Sơn. <i>Giáo trình Quản lý nhà nước về đất đai</i>. Trường Đại học Nông lâm Thái nguyên. Nhà xuất bản Nông nghiệp. 2014</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Đỗ Thị Đức Hạnh, Phạm Phương Nam, Nguyễn Thị Thu Hương, Vũ Thanh Biển (2018), <i>Bài giảng Quản lý hành chính về đất đai.</i></p>

				Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
29	162013	Bản đồ địa chính, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần gồm: những khái niệm cơ bản về bản đồ địa chính: mục đích, yêu cầu thành lập bản đồ địa chính, sơ lược quá trình thành lập bản đồ địa chính; cơ sở toán học thành lập bản đồ địa chính: cơ sở trắc địa, hệ thống tỷ lệ bản đồ, phép chiếu bản đồ, chia mảnh và đánh số bản đồ địa chính, bố cục và khung bản đồ; nội dung và nguyên tắc thể hiện các yếu tố nội dung trên bản đồ địa chính; sử dụng bản đồ địa chính phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai.</p> <p>- Năng lực đạt được: Nhận biết, đánh giá, phân biệt được sự khác nhau của các loại bản đồ trong công tác quản lý nhà nước về đất đai; Nắm chắc các nội dung cần thể hiện trên bản đồ địa chính và vai trò của bản đồ địa chính trong quản lý nhà nước về đất đai.</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Nguyễn Thị Kim Hiệp, Vũ Thị Thanh Thủy, Võ Quốc Việt, Phan Đình Bình, Lê Văn Thơ (2016), <i>Giáo trình Bản đồ địa chính</i>, NXB Nông nghiệp.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Nguyễn Thanh Trà (1999), <i>Giáo trình Bản đồ địa chính</i>, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.</p> <p>2. Luật đất đai (2013), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p>
30	162008	Viễn thám, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Mô tả các khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển của viễn thám. Đặc điểm phổ và các yếu tố ảnh hưởng đến phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên; các bước giải đoán ảnh viễn thám; ứng dụng của viễn thám trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Năng lực đạt được: Thực hiện được quy trình thành lập bản đồ chuyên đề bằng công nghệ viễn thám; Thành lập được các khóa giải đoán ảnh phục vụ công tác thành lập các loại bản đồ chuyên đề; Sử dụng thành thạo phần mềm giải đoán ảnh Envi</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Nguyễn Khắc Thời, Phạm Vọng Thành, Trần Quốc Vinh, Nguyễn Thị Thu Hiền (2012). <i>Giáo trình Viễn thám</i>. NXB Đại học Nông nghiệp.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Nguyễn Ngọc Thạch và CS (2010). <i>Viễn thám trong nghiên cứu</i></p>

			4.5 xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất.	tài nguyên và môi trường. NXB Khoa học và kỹ thuật. 2. Lê Văn Trung (2005). <i>Viễn thám</i> . ĐH Quốc gia TP HCM.
31	162077	Giám sát quản lý và sử dụng đất, 3TC	- Nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên một số vấn đề cơ bản về thanh tra, kiểm tra. Cơ quan thanh tra nhà nước. Thanh tra đất đai. Giải quyết khiếu nại tố cáo về đất đai. Xử phạt vi phạm hành chính và giải quyết tranh chấp đất đai. - Năng lực đạt được: Hiểu và trình bày được những vấn đề cơ bản về thanh tra, kiểm tra và thanh tra kiểm tra đất đai, các cơ quan thanh tra nhà nước, thanh tra đất đai, giải quyết khiếu nại tố cáo và tranh chấp đất đai; Đánh giá được công tác thanh tra kiểm tra đất đai tại địa phương. Giải quyết các tình huống về khiếu nại tố cáo và tranh chấp đất đai.	- <b>TL chính:</b> 1. Đỗ Thị Đức Hạnh, Nguyễn Thị Thu Hương (2017). <i>Giáo trình Thanh tra đất đai</i> . NXB Nông nghiệp. - <b>TLTK:</b> 1. <i>Luật đất đai</i> (2014). NXB Chính trị quốc gia 2. Đỗ Thị Đức Hạnh, Hoàng Anh Đức (2011). <i>Giáo trình Thanh tra đất đai</i> . Nhà xuất bản Nông nghiệp.
32	162014	Định giá đất, 3TC	- Nội dung học phần: Những kiến thức cơ bản về đất đai và thị trường đất đai; Giá đất và cơ sở khoa học xác định giá đất; Định giá đất và nguyên tắc định giá đất; Các phương pháp xác định giá đất ở nước ta hiện nay. - Năng lực đạt được: Phân tích được thị trường đất đai, giá đất và cơ sở khoa học xác định giá đất, nguyên tắc định giá đất; Tính toán và vận dụng được các phương pháp xác định giá đất để định giá đất ở một số khu vực xác định.	- <b>TL chính:</b> 1. Hồ Thị Lam Trà, Nguyễn Văn Quân (2006), <i>Giáo trình Định giá đất</i> . NXB Nông nghiệp. - <b>TLTK:</b> 1. Nguyễn Thế Huân (2009). <i>Giáo trình Định giá đất và bất động sản khác</i> . NXB Nông nghiệp. 2. Hoàng Văn



				Cường (2017). <i>Giáo trình Thị Trường bất động sản</i> . NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
34	162079	Quy hoạch phát triển nông thôn, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần gồm những kiến thức Đại cương về phát triển và phát triển nông thôn; Đặc trưng và sự cần thiết phải phát triển nông thôn; Những vấn đề vĩ mô về phát triển nông thôn; Quy hoạch phát triển nông thôn; Phát triển nông thôn và bảo vệ môi trường</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu được phát triển và phát triển nông thôn bền vững; Vấn đề đói nghèo và kém phát triển, vấn đề dân số, văn hoá, giáo dục với môi trường và phát triển từ đó thấy được sự cần thiết phải phát triển nông thôn; Những vấn đề vĩ mô để phát triển nông thôn; Nội dung, phương pháp phát triển nông thôn. Đánh giá được điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của một xã. Lập phương án quy hoạch khu trung tâm xã hoặc quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng của 1 đơn vị cấp xã.</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Vũ Thị Bình (2006). <i>Giáo trình Quy hoạch phát triển nông thôn</i>. Nhà xuất bản nông nghiệp.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Nguyễn Ngọc Nông, Lương Văn Hinh, Đặng Văn Minh, Nguyễn Thị Bích Hiệp (2004). <i>Giáo trình Quy hoạch và phát triển nông thôn</i>. NXB Nông nghiệp Hà Nội.</p> <p>2. Viện Chiến lược phát triển (2004), <i>Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn</i>, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.</p>
35	162083	Thoái hóa và phục hồi đất đai, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Các khái niệm và bản chất của sự thoái hóa đất, các nguyên nhân làm đất bị thoái hóa và các giải pháp phục hồi lại khả năng sản xuất của đất, thoái hóa đất ở Việt Nam.</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Lê Văn Khoa (2010), <i>Giáo trình ô nhiễm môi trường đất và biện pháp xử lý</i>, NXB</p>

			<p>phủ, các tổ chức kinh tế và xã hội trong nông thôn).</p> <p>- Năng lực đạt được: Vận dụng được những kiến thức môn học để xây dựng chiến lược phát triển cho quá trình phát triển nông thôn tại địa phương, bao gồm: phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và dịch vụ xã hội. Vận dụng được kiến để phân tích, đánh giá các chính sách phát triển nông thôn đang, thực trạng phát triển của địa phương.</p>	<p>1. Vũ Thị Bình (2006), <i>Giáo trình quy hoạch và phát triển nông thôn</i>, NXB ĐH Nông nghiệp.</p>
	162078	Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần gồm những kiến thức cơ bản về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam. Cơ sở lý luận, nội dung và quy trình thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội ở nước ta hiện nay.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu và trình bày được thực trạng phát triển kinh tế, xã hội ở nước ta; Bản chất, phương pháp tiếp cận, đặc điểm quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội. Nội dung và quy trình thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội ở nước ta hiện nay. Xây dựng được phương án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội tại một địa phương.</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Nguyễn Thị Vòng (2008), <i>Giáo trình Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội</i>. NXB Nông nghiệp.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Trần Văn Tấn (2006). <i>Kinh tế đô thị và vùng</i>. NXB Xây dựng.</p> <p>2. Ngô Doãn Vịnh (2003). <i>Nghiên cứu chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam - Học hỏi và sáng tạo</i>. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.</p>
<b>Chọn 2 trong 3 HP</b>				
38-39	162080	Thuế nhà đất, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về thuế nói chung. Khái niệm, đặc</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Nguyễn Thị Liên (2008), <i>Giáo trình</i></p>

			<p>điểm, tác dụng, nội dung, nguyên tắc thiết lập thuế của thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất và thuế chuyển quyền sử dụng đất. Phí và lệ phí trong quản lý sử dụng đất.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu và trình bày được những vấn đề cơ bản về thuế nói chung. Khái niệm, đặc điểm, tác dụng, nội dung, nguyên tắc thiết lập thuế của thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất và thuế chuyển quyền sử dụng đất. Phí và lệ phí trong quản lý sử dụng đất. Vận dụng được những kiến thức lý thuyết vào thực tiễn để tính toán các loại thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai.</p>	<p>thuế. NXB Tài chính.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Lê Hoàng Bá Huyền (2016). <i>Giáo trình Chính sách và nghiệp vụ thuế</i>. NXB Lao động.</p>
162081	Kinh tế đất, 3TC		<p>- Nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về thuế nói chung. Khái niệm, đặc điểm, tác dụng, nội dung, nguyên tắc thiết lập thuế của thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất và thuế chuyển quyền sử dụng đất. Phí và lệ phí trong quản lý sử dụng đất.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu và trình bày được những vấn đề cơ bản về thuế nói chung. Khái niệm, đặc điểm, tác dụng, nội dung, nguyên tắc thiết lập thuế của thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất và thuế chuyển quyền sử dụng đất. Phí và lệ phí trong quản lý sử dụng đất. Vận dụng được những kiến thức lý thuyết vào thực tiễn để tính toán các loại thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất, thuế chuyển quyền sử dụng</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Ngô Đức Cát (2007). <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên đất</i>. NXB Nông nghiệp.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Đỗ Thị Lan, Đỗ Anh Tài (2007). <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên đất</i>. NXB Nông nghiệp.</p>

			đất phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai.	
	162082	Thị trường bất động sản, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần gồm: những kiến thức về bất động sản và thị trường bất động sản. Pháp luật về bất động sản. Đăng ký bất động sản. Định giá bất động sản. Kinh doanh bất động sản. Quản lý Nhà nước đối với thị trường bất động sản. Thực trạng và giải pháp thúc đẩy sự phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu được các khái niệm về thị trường bất động sản; về quản lý Nhà nước và chính sách pháp luật với thị trường bất động sản; Thực trạng về thị trường bất động sản ở Việt Nam và một số nước; Định giá, đăng ký, thông tin và kinh doanh bất động sản; Những giải pháp cơ bản thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam. Xác định được giá bất động sản ở một khu vực xác định.</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Nguyễn Thanh Trà, Nguyễn Đình Bồng (2005), <i>Giáo trình Thị trường Bất động sản</i>. NXB Nông nghiệp.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Nguyễn Văn Quân, Phạm Phương Nam, Phan Thị Thanh Huyền, Bùi Lê Vinh (2018). <i>Bài giảng Thị trường bất động sản</i>. Học viện Nông nghiệp Việt Nam.</p> <p>2. Phan Thị Thanh Huyền, Nguyễn Văn Quân (2018). <i>Bài giảng Quản lý thị trường bất động sản</i>. Học viện Nông nghiệp Việt Nam.</p>
<b>Chọn 1 trong 2HP</b>				
40	262061	Quy hoạch đô thị và điểm dân cư nông thôn, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần gồm những nguyên lý và phương pháp quy hoạch xây dựng phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn nhằm mở rộng kiến thức về quy hoạch sử dụng đất và quản lý đất đai đáp ứng mục tiêu phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.</p> <p>- Năng lực đạt được: Trình bày được</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Vũ Thị Bình (2008). <i>Giáo trình Quy hoạch đô thị và điểm dân cư nông thôn</i>. NXB Đại học Nông nghiệp.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p>

			<p>các khái niệm về cơ cấu cư dân trong phạm vi vùng lãnh thổ. Đô thị và quá trình phát triển đô thị. Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị. Điểm dân cư nông thôn. Quy hoạch xây dựng phát triển điểm dân cư nông thôn. Lập được phương án quy hoạch khu trung tâm 1 xã hoặc quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng của xã.</p>	<p>1. Nguyễn Thị Hải Yến (2011). <i>Giáo trình Quy hoạch xây dựng đô thị và điểm dân cư nông thôn</i>. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p>
	162079	Quy hoạch vùng, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Khái niệm cơ bản của quy hoạch vùng; Các hình thái quy hoạch vùng trên thế giới và Việt Nam; Cơ sở khoa học và lý luận của quy hoạch vùng; Nội dung cơ bản của quy hoạch vùng; Đặc điểm quy hoạch vùng ở Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Trình bày được các khái niệm cơ bản của quy hoạch vùng; Các hình thái quy hoạch vùng trên thế giới và Việt Nam; Cơ sở khoa học và lý luận của quy hoạch vùng; Nội dung cơ bản của quy hoạch vùng; Đặc điểm quy hoạch vùng ở Việt Nam. Xây dựng được phương án quy hoạch của một vùng.</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Nguyễn Thị Vòng (2009), <i>Giáo trình Quy hoạch vùng</i>. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Trương Mạnh Tiến (2002). <i>Môi trường và quy hoạch tổng thể theo hướng phát triển bền vững. Một số cơ sở lý luận và thực tiễn</i>. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.</p> <p>2. Nguyễn Thế Thôn (2004). <i>Quy hoạch môi trường phát triển bền vững</i>. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.</p>
	<b>Kiến thức bổ trợ</b>			
	<b>Chọn 1 trong 2 HP</b>			
41	162084	Ô nhiễm môi trường, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Nguyên nhân và tác hại của ô nhiễm đất, ô nhiễm nước, ô nhiễm không khí, ô nhiễm</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Biện Văn Tranh, (2010), <i>giáo trình</i></p>

			<p>phóng xạ, tiếng ồn và nhiệt, nhiễm bẩn thực phẩm.</p> <p>- Năng lực đạt được: Lập được kế hoạch và tham gia phát triển các biện pháp bảo vệ môi trường tại một địa phương. Sẵn sàng thích ứng và làm việc hiệu quả trong nhiều môi trường công tác khác nhau.</p>	<p><i>Ô nhiễm môi trường</i>, Đại học Đà Nẵng.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Lê Văn Khoa, Nguyễn Xuân Cự, Trần Thiện Cường, (2012), <i>Giáo trình Ô nhiễm môi trường đất và biện pháp xử lý</i>, NXB Xây dựng</p>
	162077	Quản lý môi trường, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Những vấn đề cơ bản của quản lý môi trường; cơ sở khoa học của công tác quản lý môi trường; các công cụ trong quản lý môi trường bao gồm luật và chính sách, kinh tế, kỹ thuật, quản lý môi trường dựa vào cộng đồng và truyền thông; hệ thống quản lý nhà nước về môi trường; quản lý môi trường nông thôn.</p> <p>- Năng lực đạt được: Vận dụng được các kiến thức về môi trường để đánh giá và phân tích được cơ chế và chính sách quản lý môi trường tại địa phương. Từ đó đề xuất được các phương án quản lý môi trường cho từng địa phương cụ thể; đánh giá được tác động của môi trường đến nguồn tài nguyên đất đai; đề xuất được một số biện pháp nâng cao hiệu quả của công tác quản lý môi trường tại địa phương.</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Hồ Thị Lam Trà (2012) <i>Giáo trình Quản lý môi trường</i>. NXB Đại học Nông nghiệp.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p><b>1. Lê Văn Thăng (2018). <i>Giáo trình Khoa học môi trường đại cương</i>, Trường Đại học Huế.</b></p> <p>2. Lưu Đức Hải và Nguyễn Ngọc Sinh (2008). <i>Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững</i>. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>
<b>Chọn 1 trong 2 HP</b>				
42	162004	Sinh học đất, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Cung cấp những kiến thức về: Các nhóm sinh vật chính thường gặp trong đất; Enzyme trong</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Nguyễn Xuân Thành, Nguyễn</p>

			<p>đất và sự sản sinh ra enzyme trong đất; Sinh vật đất trong quá trình hình thành mùn và kết cấu đất; Vi sinh vật trong trình phân hủy, chuyển hóa các hợp chất cacbon trong đất; Sinh vật đất trong quá trình phân hủy, chuyển hóa các hợp chất hữu cơ chứa nitơ và khoáng chất trong đất; Động thái và sự phân bố của vi sinh vật đất trên một số loại đất chính ở Việt Nam; Ảnh hưởng của các biện pháp canh tác đến sinh vật đất.</p> <p>- Năng lực đạt được: Biết được các kiến thức về sinh vật đất và các enzyme trong đất; Đánh giá được ảnh hưởng của sinh vật đất đến quá trình phân hủy, chuyển hóa các hợp chất hữu cơ trong đất, quá trình hình thành mùn và kết cấu đất; ảnh hưởng của các biện pháp canh tác đến sinh vật đất..</p>	<p>Đường, giáo trình Sinh học đất, NXB Giáo dục, 2007.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Xuân Thành &amp; cs. giáo trình công nghệ vsv trong nông nghiệp và xử lý môi trường. NXB SP, năm 2003.</li> <li>2. Nguyễn Xuân Thành &amp; cs. hướng dẫn thực tập môn học công nghệ vsv trong nông nghiệp và xử lý môi trường. NXB SP, năm 2003.</li> </ol>
	162074	Vật lý đất, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Cung cấp những kiến thức về: Hạt cơ giới và thành phần cơ giới đất; Tỷ diện của đất và kết cấu đất; Những tính chất vật lý và cơ lý của đất; Nước, nhiệt độ và màu sắc đất.</p> <p>- Năng lực đạt được: Biết được những tính chất lý học của đất, những quá trình vật lý xảy ra trong đất và mối quan hệ của nó với tính chất hoá học và sinh học của đất và với môi trường.</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Thế Đặng &amp; cs, giáo trình Vật lý đất, NXB Nông nghiệp Hà Nội, 2007.</li> </ol> <p>- <b>TLTK:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trần Văn Chính &amp; cs. giáo trình Vật lý đất, NXB Đại học Nông nghiệp, năm 2012.</li> </ol>
<b>Chọn 2 trong 3 HP</b>				
43-44	163071	Hệ thống nông nghiệp, 3TC	<p>-Nội dung học phần: Học phần Hệ thống nông nghiệp cung cấp kiến thức về hệ thống, các khái niệm trong phân tích hệ thống, hệ sinh</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phạm Tiến Dũng (2013), <i>Hệ Thống Nông nghiệp</i>, NXB</li> </ol>

		<p>thái, hệ thống canh tác, hệ thống nông nghiệp; các loại hình hệ thống nông nghiệp như: nông nghiệp du canh, du mục, nông nghiệp cố định (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và các mô hình kết hợp giữa chúng), phân tích hiệu quả kinh tế của các hệ thống sản xuất; các khái niệm về nông nghiệp bền vững; khái niệm, nguyên tắc trong xây dựng nông nghiệp bền vững; nông nghiệp hữu cơ... ; những vấn đề trong nghiên cứu phát triển hệ thống nông nghiệp.</p> <p>- Năng lực đạt được: Trình bày và giải thích được các loại hình hệ thống nông nghiệp; nông nghiệp sinh thái; các loại mô hình nông nghiệp phổ biến hiện nay trong nước và trên thế giới; hệ thống nông nghiệp bền vững và các phương pháp nghiên cứu phát triển hệ thống nông nghiệp. Mô tả được các loại mô hình nông nghiệp phổ biến hiện nay tại Việt Nam và trên thế giới, các mô hình nông nghiệp sinh thái bền vững; Thực hiện được việc thiết kế nội dung điều tra đánh giá, phân tích tình hình thực tế về sản xuất nông nghiệp tại địa phương; Đề xuất ứng dụng được mô hình hệ thống nông nghiệp phù hợp với điều kiện khách quan tại địa phương.</p>	<p>Nông nghiệp.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phạm Chí Thành, Phạm Tiên Dũng (1996), <i>Hệ thống nông nghiệp</i>, NXB Nông nghiệp.</li> <li>2. Trần Danh Thìn, Nguyễn huy Trí (2011), <i>Hệ thống nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp bền vững</i>, NXB Nông nghiệp</li> </ol>
161081	Nông lâm kết hợp, 3TC	<p>- Nội dung học phân: Nông lâm kết hợp và xu hướng phát triển nông lâm kết hợp; kỹ thuật nông lâm kết hợp; tiếp cận bền vững trong nông lâm kết hợp; Các mô hình nông lâm kết hợp ở Việt Nam; thị trường nông lâm sản ở</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phạm Quang Vinh, Phạm Xuân Hòa (2005), <i>Giáo trình Nông lâm kết hợp</i>. NXB Nông</li> </ol>



			<p>Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Phân tích được nguyên lý, kỹ thuật nông lâm kết hợp. Nhận diện được các hệ thống nông lâm kết hợp. Đánh giá được thị trường nông lâm sản. Xây dựng được bản dự toán chi phí, tính toán được các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của mô hình nông lâm kết hợp</p>	<p>nghiep.</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Lê Duy Thuớc (1995), <i>Nông lâm kết hợp</i>. NXB Nông nghiệp.</p> <p>2. Nguyễn Ngọc Bình, Phạm Đức Tuấn (2005), <i>Kỹ thuật canh tác nông lâm kết hợp ở Việt Nam</i>. NXB Nông nghiệp</p>
163318	Canh tác học, 3TC		<p>- Nội dung học phần gồm: cung cấp các kiến thức cơ bản về về cơ cấu cây trồng và vị trí của cơ cấu cây trồng trong sản xuất nông nghiệp. Những yêu cầu đối với hệ sinh thái đồng ruộng. Các hình thức gieo trồng phổ biến hiện nay cùng với các mô hình sản xuất nông nghiệp. Một số khái niệm luân canh và vị trí của cây trồng trong hệ thống luân canh cùng với các công thức luân canh phổ biến hiện nay. Một số yếu tố khí hậu như nhiệt độ, ánh sáng, lượng mưa, độ ẩm không khí ảnh hưởng đến cơ cấu cây trồng. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kiến thức về quá trình làm đất và các biện pháp kỹ thuật làm đất cho cây trồng nước và cây trồng cạn. Một số ảnh hưởng chung của làm đất đến tính chất đất cùng với các đặc tính của đất ảnh hưởng đến hiệu suất và chất lượng làm đất.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học hiểu được bản chất, ưu điểm và nhược điểm của cơ cấu cây trồng và các yêu cầu cơ bản đối với hệ sinh thái đồng</p>	<p>- <b>TL chính:</b></p> <p>1. Lý Nhạc, Dương Hữu Tuyên, Phùng Đăng Chinh (2010). <i>Giáo trình Canh tác học</i>. Nhà xuất bản Nông nghiệp</p> <p>- <b>TLTK:</b></p> <p>1. Nguyễn Tất Cảnh, Trần Thị Hiền, Nguyễn Xuân Mai (2008), <i>Giáo trình Hệ thống canh tác</i> – Nhà xuất bản Nông nghiệp.</p> <p>2. Phạm chí Thành, Phạm Tiến Dũng, Đào Châu Thu, Trần Đức Viên (1996), <i>Hệ thống nông nghiệp</i>. NXB Nông nghiệp.</p>

			<p>ruộng. Các yếu tố khí hậu nhiệt độ, ánh sáng, lượng mưa, độ ẩm ảnh hưởng đến cơ cấu cây trồng. Hiểu được bản chất của luân canh, tăng vụ, các kỹ thuật làm đất hiệu quả nhằm tăng năng suất của cây trồng.</p>	
<b>Chọn 1 trong 2 HP</b>				
45	162085	Tài nguyên thiên nhiên, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các dạng tài nguyên thiên nhiên cơ bản như tài nguyên môi trường, khí hậu, đất, nước, rừng; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học nhận thức được tầm quan trọng của các loại tài nguyên thiên nhiên, việc sử dụng hiệu quả và phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên; Đánh giá và đề xuất được phương án sử dụng hợp lý các dạng tài nguyên thiên nhiên.</p>	<p><b>- TL chính:</b></p> <p>1. Bùi Thị Thục Anh (2012), <i>Giáo trình Tài Nguyên thiên nhiên</i>. NXB Nông nghiệp.</p> <p><b>- TLTK:</b></p> <p>1. Nguyễn Ngọc Dung (2010), <i>Quản lý Tài nguyên và môi trường</i>. NXB Xây dựng.</p>
	162086	Đánh giá tác động môi trường, 3TC	<p>- Nội dung học phần: : Mục đích, ý nghĩa, đối tượng của ĐTM, nội dung cơ bản của ĐGTĐMT, mối quan hệ giữa ĐTM với phát triển kinh tế và các công cụ quản lý môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, Chu trình dự án và trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường, tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường, cấu trúc, yêu cầu về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường, các bước thực hiện đánh giá tác động môi trường chi tiết, phương pháp đánh giá tác động môi trường, quản lý và giám sát các tác động môi trường.</p> <p>- Năng lực đạt được: Lập được một</p>	<p><b>- TL chính:</b></p> <p>1. Đặng Văn Minh, Đỗ Thị Lan, Nguyễn Chí Hiếu, Dương Thị Minh Hòa (2013). <i>Giáo trình đánh giá tác động môi trường</i>, NXB Nông nghiệp Hà Nội.</p> <p><b>- TLTK:</b></p> <p>1. Hoàng Xuân Cơ (2009), <i>Đánh giá tác động môi trường</i>, NXB Đại học quốc gia Hà</p>

			kế hoạch bảo vệ môi trường và một báo cáo đánh giá tác động môi trường cho một dự án cụ thể.	Nội.
<b>IV</b>	<b>THỰC TẬP RÈN NGHỀ</b>			
46	162087	Rèn nghề, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Rèn các thao tác cơ bản trong đo đạc, thành lập các loại bản đồ chuyên ngành: bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sử dụng được máy kinh vĩ điện tử, các phần mềm vẽ bản đồ như Microstation, Mapinfor..</p>	
47	162088	Công trình tổng hợp	<p>- Nội dung học phần: Thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, thống kê đất đai để thành lập bản đồ một khu vực cụ thể.</p> <p>- Năng lực đạt được: Tổ chức thực hiện được một quy trình từ điều tra, khảo sát, đo đạc, thống kê đất đai đến thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất một khu vực.</p>	
48	162089	Thực tập giáo trình, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Thực tập giáo trình là một công trình tổng hợp các môn học chuyên ngành thông qua đi thực tế tại địa phương trong thời gian 2 tuần. Thực tập giáo trình được thực hiện ở học kỳ 8 của khóa học.</p> <p>- Năng lực đạt được: Đánh giá được điều kiện tự nhiên kinh tế, xã hội; phân tích được tình hình quản lý đất đai và dự báo được nhu cầu sử dụng đất của một địa phương, thể hiện kết quả dự báo trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất.</p>	
<b>V</b>	<b>Thực tập/Đồ án tốt</b>			

	nghịệp		
49	163174	Thực tập tốt nghiệp, 4TC	<p>- Nội dung học phần: Điều tra khảo sát, thu thập số liệu để thực hiện nội dung nghiên cứu.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên điều tra thu thập được các số liệu, đi khảo sát thực địa để xác minh số liệu điều tra. Thu thập đầy đủ số liệu điều tra vào sổ theo dõi số liệu thô.</p>
50	162090	Đồ án tốt nghiệp, 10 TC	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Thực hiện đồ án tốt nghiệp bao gồm các phần: Mở đầu, tổng quan về các nội dung nghiên cứu; Nội dung và phương pháp nghiên cứu; Kết quả nghiên cứu; Kết luận và kiến nghị.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Biết cách thu thập tài liệu liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu; Biết tổng hợp, xử lý số liệu. Phân tích, đánh giá được các kết quả nghiên cứu; Biết cách trình bày một báo cáo khoa học hoàn chỉnh và bảo vệ đồ án tốt nghiệp trước hội đồng chấm.</p>

**3. Trình tự nội dung chương trình dạy học**

Năm thứ nhất			Năm thứ hai	
Học kỳ 1 (16 TC)	Học kỳ 2 (16TC)	Học kỳ 1 (18TC)	Học kỳ 2 (15TC)	Học kỳ 2 (16TC)
<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Triết học Mác-Lênin (3TC)</li> <li>2. Xác suất thống kê (3TC)</li> <li>3. Tin học (2TC)</li> <li>4. Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC)</li> <li>5. Tiếng Anh 1 (4TC)</li> <li>6. Đa dạng sinh học (2TC)</li> <li>7. Giáo dục thể chất 1 (2TC)</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kinh tế chính trị MLN (2TC)</li> <li>2. Tiếng Anh 2 (3TC)</li> <li>3. Hóa học (2TC)</li> <li>4. Khí tượng nông nghiệp (3TC)</li> <li>5. Môi trường và con người (3TC)</li> <li>6. Thổ nhưỡng (3TC)</li> <li>7. Giáo dục thể chất 2 (2TC)</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)</li> <li>2. Pháp luật đại cương (2TC)</li> <li>3. Pháp luật đất đai (3TC)</li> <li>4. Tiếng Anh 3 (3TC)</li> <li>5. Chọn 1 trong 2 HP: Sinh thái môi trường (2TC) hoặc Khoa học môi trường (2TC)</li> <li>6. Chọn 1 trong 2 HP: Tài nguyên thiên nhiên (3TC) hoặc Đánh giá tác động môi trường (3TC)</li> <li>7. Chọn 1 trong 2 HP: Sinh học đất (3TC) hoặc Vật lý đất (3TC)</li> <li>8. Giáo dục quốc phòng</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thực tập giáo trình (3TC)</li> <li>2. Giám sát quản lý và sử dụng đất (3TC)</li> <li>3,4. Chọn 2 trong 3 HP: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thị trường bất động sản (3TC)</li> <li>- Thuế nhà đất (3TC)</li> <li>- Kinh tế đất (3TC)</li> </ul> </li> <li>5. Phương pháp NCKH (3TC)</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2TC)</li> <li>2. Tư tưởng HCM (2TC)</li> <li>3. Trắc địa (4TC)</li> <li>4. Đánh giá đất (4TC)</li> <li>5. Hệ thống thông tin địa lý (4TC)</li> </ol>
Năm thứ ba			Năm thứ tư	
Học kỳ 1 (18TC)	Học kỳ 2 (19TC)	Học kỳ 1 (18TC)	Học kỳ 2 (15TC)	Học kỳ 1 (14TC)
<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tâm lý lao động (2TC)</li> <li>2. Quy hoạch sử dụng đất (4TC)</li> <li>3. Chọn 1 trong 2 HP: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ô nhiễm môi trường (3TC)</li> <li>- Quản lý môi trường đất đai (3TC)</li> </ul> </li> <li>4. Quản lý hành chính về đất đai (3TC)</li> <li>5. Viễn thám (3TC)</li> <li>6. Bản đồ địa chính (3TC)</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đăng ký thống kê đất đai (3TC)</li> <li>2. Tin học ứng dụng vẽ BĐ (4TC)</li> <li>3,4. Chọn 2 trong 3 HP: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống nông nghiệp (3TC)</li> <li>- Nông lâm kết hợp (3TC)</li> <li>- Canh tác học (3TC)</li> </ul> </li> <li>5. Rèn nghề (3TC)</li> <li>6. Quy hoạch PTNT (3TC)</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Định giá đất (3TC)</li> <li>2. Công trình tổng hợp (3TC)</li> <li>3. Thoái hóa và phục hồi đất (3TC)</li> <li>4,5. Chọn 2 trong 3 HP: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển nông thôn (3TC)</li> <li>- Lập và quản lý dự án phát triển nông thôn (3TC)</li> <li>- Quy hoạch tổng thể phát triển KT, XH (3TC)</li> </ul> </li> <li>6. Chọn 1 trong 2 HP: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy hoạch đô thị và điểm dân cư NT (3TC)</li> <li>- Quy hoạch vùng (3TC)</li> </ul> </li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thực tập tốt nghiệp (4TC)</li> <li>2. Đồ án tốt nghiệp (10TC)</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thực tập tốt nghiệp (4TC)</li> <li>2. Đồ án tốt nghiệp (10TC)</li> </ol>

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra															
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16
HP1	Triết học Mác-Lênin	3													2		
HP2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3													2		
HP3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3													2		
HP4	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	3													2		
HP5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3													2		
HP6	Pháp luật đại cương	3													2		
HP7	Tiếng Anh 1		3												1		
HP8	Tiếng Anh 2		3												1		
HP9	Tiếng Anh 3		3												1		
HP10	Xác suất - Thống kê			3											1		
HP11	Tin học			3											1		
HP12	Cơ sở văn hóa Việt Nam				3										1		
HP13	Hóa học				3			2							1		
HP14	Đa dạng sinh học				2						3				1		
HP15	Phương pháp NCKH													3	1		
HP16	Tâm lý lao động					3									2		
HP17	Sinh thái môi trường				3										2		
	Khoa học môi trường				2										3		
HP18	Khí tượng nông nghiệp														3		
HP19	Môi trường và con người				2										3		
HP20	Trắc địa						3								2		
HP21	Thổ nhưỡng							3									
HP22	Pháp luật đất đai						2							3	2	2	
HP23	Đánh giá đất							3								3	2



